

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 3 tháng 10 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 229-TTg ngày 1-10-1960 quy định cách trả lương cho cán bộ, công nhân viên và bộ đội.

Lâu nay lương tháng của cán bộ, công nhân viên và bộ đội trả một lần vào đầu tháng. Như vậy ngân sách nhà nước phải chi tập trung, tiền mặt phát ra tập trung, gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của ngân sách, cho việc điều hòa lưu thông tiền tệ và hàng hóa, và do đó có lúc ảnh hưởng phần nào đến sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và bộ đội, và của nhân dân.

Mặt khác, lâu nay tiền lương tháng nào trả vào đầu tháng ấy, không đúng với nguyên tắc trả lương sau một thời gian lao động theo chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, Hội đồng Chính phủ, trong phiên họp hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 21-9-1960, quyết định:

1. Từ đầu tháng 11 năm 1960, lương hàng tháng của cán bộ, công nhân viên và bộ đội trả làm hai lần.

2. Khi mới bắt đầu thi hành cách trả lương mới, thì trả lần đầu vào những ngày đầu tháng như đã quy định lâu nay, lần thứ hai trả sau đó 15 ngày. Sau một thời gian, cán bộ, công nhân viên và bộ đội đã quen cách trả lương hàng tháng hai lần, thì sẽ lui dần những ngày trả lương để dần dần thực hiện trả lương vào cuối một thời gian lao động nhất định.

Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ Lao động, Ban Lao động tiền lương, phối hợp với Tổng liên đoàn lao động Việt nam hướng dẫn việc thi hành tốt thông tư này.

Hà nội, ngày 1 tháng 10 năm 1960

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 25-LĐ/TT ngày 12-8-1960 quy định và hướng dẫn thi hành các mức tiền công địa phương.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Ủy ban hành chính khu, thành phố và các tỉnh,
Giám đốc Sở và Trưởng ty Lao động.

Đồng kính gửi: Thủ tướng phủ
Các Bộ
Tổng Liên đoàn Lao động
Việt nam

Từ năm 1958, thi hành nghị định số 104-NĐ/LĐ ngày 31-12-1958 của Bộ Lao động, các Ủy ban hành chính địa phương đã tổ chức Hội đồng tiền công, hướng dẫn xây dựng nội dung từng loại công việc và quy định các mức tiền công để áp dụng trong địa phương. Thực hiện chủ trương phân cấp quản lý mức tiền công cho Ủy ban hành chính các địa phương, đã đạt những kết quả:

— Đã quy định thống nhất các mức tiền công và đổi tượng áp dụng, bước đầu thống nhất thi hành chế độ lương và xã hội phúc lợi cho công nhân tuyển dụng tạm thời ở các địa phương.

— Đã giúp cho việc quản lý nhân lực và điều hòa, phân phối nhân công phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trong địa phương được thuận lợi.

Nhưng cũng còn tồn tại một số vấn đề cần nghiên cứu để giải quyết như sau:

Một số địa phương quy định mức tiền công quá cao so với mức lương của công nhân, viên chức trong biên chế Nhà nước.

— Một số địa phương kéo dài thời gian áp dụng mức tiền công cho số công nhân làm việc tạm thời nhưng đã trở thành lực lượng cố định, làm việc thường xuyên liên tục, gây bất hợp lý mới về dài ngô.

— Hội đồng tiền công ở một số địa phương ít hoạt động, sinh hoạt tập thể khó khăn, do đó có một số công việc chưa giải quyết được kịp thời như việc điều chỉnh giá khoán bốc vác (nhất là ở các thành phố lớn).

Thi hành chủ trương cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1960, đi đôi với việc ban hành các thang lương và bảng lương cho công nhân, viên

chức, cán bộ trong biên chế Nhà nước, nay căn cứ vào điều 8 nghị định số 24-CP ngày 1-7-1960 của Hội đồng Chính phủ quy định «... mức lương của những người thuê mướn tạm thời, theo thời vụ ngay tại địa phương sẽ do Ủy ban hành chính, các địa phương quy định căn cứ theo đời sống của nhân dân và giá công thuê mướn ở địa phương». Đồng thời căn cứ điều 11 của nghị định nói trên của Hội đồng Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Lao động «giải thích và hướng dẫn các Bộ thuộc khu vực sản xuất và các Ủy ban hành chính các địa phương thi hành nghị định này».

Sau khi đã thông qua Ban lương trung ương, Bộ Lao động ra thông tư này quy định lại mức tiền công để áp dụng ở các địa phương nhằm :

— Giúp cho việc huy động, điều phối nhân công phục vụ cho nhu cầu sản xuất công nghiệp và nông nghiệp được thuận lợi.

— Đặt quan hệ thích đáng về thu nhập giữa công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác; giữa thành thị và nông thôn.

— Làm cho việc quản lý và việc quy định các mức tiền công giữa các địa phương được thống nhất.

Bộ hướng dẫn việc quy định các mức tiền công cho các địa phương và đối tượng áp dụng như sau :

I. CÁC MỨC TIỀN CÔNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Để làm cơ sở cho việc quy định lại các mức tiền công ở các địa phương, nay định 4 mức lương sau đây :

1.	27d30	một tháng, tính ra lương ngày	$27,30 : 26 = 1d05$
2.	31d50	—	$31,50 : 26 = 1d22$
3.	37d00	—	$37,00 : 26 = 1d42$
4.	43d10	—	$43,10 : 26 = 1d66$

Tùy theo tình hình nhân công, tình hình sinh hoạt của từng nơi, các địa phương có thể áp dụng theo 4 mức lương nói trên, hoặc có thể định cao hơn, nhưng tối đa không quá 5% các mức ấy. Những địa phương nào có phụ cấp khu vực thì được cộng thêm định suất phụ cấp khu vực.

Các địa phương cần quy định cụ thể nội dung công việc để áp dụng từng mức lương cho sát với những công việc thực tế từng nơi. Riêng đối với những công việc đất, đá (lao động phổ thông) thì vận dụng nội dung công việc của công nhân xây dựng phổ thông trên các công trường kiến thiết cơ bản do Bộ Lao động giới thiệu. Cụ thể là :

— Những người không đạt nội dung công việc bậc 1 hoặc làm những công việc nhẹ, đơn giản thì hưởng mức lương 27d30.

— Những người đạt nội dung công việc bậc 1 thi hưởng mức lương 31d00

— Những người đạt nội dung công việc bậc 2 thi hưởng mức lương 37d50

— Những người đạt nội dung công việc bậc 3 thi hưởng mức lương 43d10

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CÁC MỨC TIỀN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

1. Tất cả các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, công ty và cửa hàng mậu dịch, vv... không phân biệt do trung ương hay địa phương quản lý, có tuyển dụng công nhân trong những trường hợp sau đây đều áp dụng thống nhất mức tiền công do Ủy ban hành chính địa phương quy định :

a) Những người được tuyển dụng tạm thời ở địa phương làm việc ngắn ngày, có việc thì làm hết việc thì nghỉ; những người làm việc theo mùa đều thi hành theo mức tiền công do địa phương quy định.

b) Những người được huy động từ phương xa đến làm việc ở các nông trường, công trường, trong 6 tháng đầu, tính từ ngày bắt đầu vào làm việc đều áp dụng theo mức tiền công của địa phương. Nếu hết 6 tháng ấy còn tiếp tục làm việc nữa thì từ tháng thứ 7 trở đi sẽ được hưởng theo cấp bậc lương của các thang lương như công nhân, nhân viên trong biên chế đơn vị đó.

Chú ý : Nhân công ở phương xa đến là những lực lượng do cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban hành chính, Lao động) điều từ tỉnh này qua tỉnh khác theo yêu cầu của cơ quan sử dụng nhân công. Còn về mức tiền công nói trên là quy định thống nhất áp dụng chung chứ không định ra hai mức (một mức cho địa phương và một mức cho phương xa như trước đây có một vài nơi đã làm) gây thêm hiện tượng nhiều mức lương làm cho cơ sở khó thực hiện.

c) Công nhân lao động phổ thông ở các thành phố, thị xã, thị trấn không có cơ sở sản xuất, sinh sống chủ yếu là do làm công ăn lương, tuy chưa được vào biên chế chính thức, nhưng đã trở thành lực lượng thường trực do cơ quan sử dụng hoặc Ủy ban hành chính hay cơ quan Lao động quản lý thì giải quyết như sau :

— Nếu họ làm việc thường xuyên liên tục từ đơn vị này qua đơn vị khác (tuy có lúc hết việc phải tạm nghỉ thời gian ngắn dưới 1 tháng và không có trợ cấp thời việc) thì trong thời gian làm việc 6 tháng đầu, tính từ ngày vào làm việc ở đơn vị đầu cũng áp dụng theo mức tiền công địa phương. Sau 6 tháng đã làm việc liên tục rồi, thì từ tháng thứ 7 trở đi được xếp và hưởng lương theo tiêu chuẩn nghề nghiệp của bậc lương trong thang lương và bảng lương như người trong biên chế đơn vị đó. Trường hợp thi theo yêu cầu của sản xuất và công tác được tổ chức điều động

từ đơn vị này qua đơn vị khác thì không được coi như trường hợp mới tuyển dụng (trừ trường hợp đã cho thôi việc và hưởng quyền lợi khi thôi việc).

— Trường hợp xét thấy không có công việc để bố trí liên tục được mà phải tạm nghỉ việc một thời gian dài (trên 1 tháng) thì cần giải quyết các quyền lợi về thôi việc. Đến khi bố trí lại công tác mới thì hưởng theo mức tiền công địa phương theo quy định chung.

2. Đối với công nhân chuyên nghiệp (nurse, mộc, xé...) được tuyển dụng ngoài biên chế làm việc trong các xí nghiệp, công, nông, lâm trường, vv... không áp dụng mức tiền công địa phương nói trên. Trong thời gian từ 3 đến 6 tháng đầu (tùy theo công trình đào tạo và tính chất phức tạp về kỹ thuật của mỗi nghề mà quy định) mới vào làm việc thì hưởng 85% mức lương tương đương với những người trong biên chế cùng một trình độ và việc làm giống nhau. Hết thời gian tạm tuyển nói trên, nếu còn tiếp tục làm việc thì mới được hưởng mức lương bằng những người trong biên chế cùng làm một việc giống nhau.

Trường hợp những công nhân chuyên nghiệp này là lực lượng thường trực của địa phương, tuy chưa phải là người trong biên chế nhưng đã làm việc ở một đơn vị sản xuất của Nhà nước, khi hết thời gian tạm tuyển rồi và hết việc, lại được điều động qua làm ở một đơn vị sản xuất mới, thì họ được hưởng mức lương bằng những người trong biên chế cùng làm một việc giống nhau. Nếu họ đã hưởng các quyền lợi về thôi việc rồi thì khi trở lại làm việc cũng áp dụng 85% mức lương tương đương người trong biên chế trong thời gian từ 3 đến 6 tháng như đã nói trên đây.

3. Trong khi quy định lại mức tiền công mới, các địa phương cần chú ý điều chỉnh lại đơn giá khoản thu nhập của công nhân làm khoản kịp thời so với mức tiền công mới (sẽ có văn bản quy định riêng).

4. Đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, xét thấy cần thiết và có thể áp dụng bốn mức tiền công trên đây cho những công nhân lao động phổ thông mới tuyển dụng sẽ do Ủy ban hành chính địa phương quyết định.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Các mức tiền công được quy định lại sẽ áp dụng cho những trường hợp nói ở mục II trên đây, nếu những người đó vào làm việc sau ngày ban hành thông tư này trở đi. Còn những người đã vào làm việc trước ngày ban hành thông tư này, mà mức tiền công cũ của họ cao hơn những mức quy định mới, thì giải quyết như sau:

a) Đối với những người có cơ sở sản xuất nông nghiệp tuyển dụng tạm thời làm việc ngắn ngày ở địa phương, có việc thi làm hết việc thì nghỉ, theo hợp đồng, theo mùa, thì được tiếp tục hưởng các

mức tiền công cũ cho đến hết mùa và hết hạn hợp đồng ấy. Đến mùa khác nếu họ trở lại làm việc hoặc ký lại hợp đồng thì áp dụng theo quy định các mức tiền công mới quy định trong thông tư này.

b) Đối với những người được điều động đi phương xa đã thoát ly sản xuất nông nghiệp và các lực lượng lao động thường trực ở thành phố, thị xã, thị trấn không có cơ sở sản xuất, thì áp dụng mức tiền công của địa phương 6 tháng đầu (kể từ ngày họ vào làm việc), nếu còn tiếp tục làm việc thì từ tháng thứ 7 trở đi được xếp và hưởng các mức lương của thang lương, bảng lương như người trong biên chế của đơn vị công tác. Nếu mức lương mới thấp hơn mức tiền công của địa phương đã hưởng trước, thì chỉ hưởng theo mức lương mới mà không được bảo lưu số tiền chênh lệch so với mức lương cũ.

c) Đối với những công nhân chuyên nghiệp mới tuyển dụng không áp dụng các mức tiền công địa phương, mà hưởng 85% lương cấp bậc tương đương với những người trong biên chế cùng trình độ và việc làm giống nhau. Hết thời gian tạm tuyển (từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày vào làm việc) thì hưởng theo lương cấp bậc như những người trong biên chế cùng trình độ. Nếu có trường hợp lương mới thấp hơn lương cũ thì cũng không được bảo lưu số tiền chênh lệch.

d) Những người thuộc phạm vi thi hành mức tiền công hoặc đang trong thời gian thi hành mức tiền công của địa phương, khi sửa lại mức tiền công địa phương theo thông tư này, nếu tiền lương mới cao hơn lương cũ thì hưởng theo lương mới kể từ ngày Ủy ban hành chính quyết định chính thức cho địa phương mình, không đặt vấn đề truy lénh.

2. Các văn bản của các Bộ, các ngành ban hành trước đây trái với quy định của thông tư này đều bãi bỏ, mà thống nhất thi hành theo thông tư này.

..

Việc quy định lại mức tiền công địa phương lần này có ý nghĩa quan trọng, nhằm xây dựng quan hệ về thu nhập giữa công nhân và nông dân, giữa thành thị và nông thôn, có tác dụng đến việc điều hòa nhân lực cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Do đó các ngành sử dụng công nhân và các Ủy ban hành chính địa phương phải quán triệt chấp hành thông tư này.

Để đảm bảo việc thi hành đúng chủ trương của Trung ương về việc quy định mức tiền công ở địa phương, Ủy ban hành chính và cơ quan lao động các địa phương cần chú trọng thêm mấy điểm sau đây:

— Củng cố lại tổ chức Hội đồng tiền công (cử thêm đại diện Ban công tác nông thôn), chấn chỉnh lề lối làm việc, phân công, phân nhiệm cụ thể để mỗi thành viên của Hội đồng có công tác thực tế.

— Căn cứ vào tình hình nhân công, thu nhập bình quân của nông dân và nhân dân lao động nói chung

của địa phương (lấy mức thu nhập bình quân của xã viên Hợp tác xã nông nghiệp làm căn cứ), để xét định mức tiền công mới giúp Ủy ban hành chính quy định được sát đúng; đồng thời chú trọng lãnh đạo và hướng dẫn việc điều chỉnh lại giá cước bốc vác trong địa phương cho tốt.

— Hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành các mức tiền công mới trong các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, công ty mậu dịch v.v..., áp dụng đúng chính sách và chế độ đã quy định. Cần chú ý kiểm tra, phát hiện để chấn dứt tình trạng các đơn vị sử dụng nhân công bừa bãi, nhất là nạn « đầu dài », « cai thầu », sử dụng nhân công theo lối khoán trắng trước đây.

— Báo cáo về Bộ Lao động sau khi Ủy ban hành chính đã quyết định chính thức các mức tiền công của địa phương và phản ánh những khó khăn mắc mưu trong khi thực hiện để Bộ tham gia ý kiến giải quyết.

Hà Nội ngày 12 tháng 8 năm 1960

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 5-NN/TT ngày 15-9-1960
bổ sung thông tư số 33-NL/TT ngày
3-10-1959 về chế độ tập sự cho sinh
viên, học sinh các trường chuyên
nghiệp.

Kính gửi : Các Vụ, Cục,

Học viện Nông lâm,
Trường Trung cấp nông lâm trung
ương,
Trường Trung cấp nông lâm Nghệ
an.
Các Khu, Sở, Ty Nông lâm, Nông
nghiệp.

Đồng gửi : Bộ Nông trường.

Tổng cục Thủy sản,
Tổng cục Lâm nghiệp,
Bộ Nội thương, Y tế, Khoa học,
Giáo dục,
Bộ Nội vụ (để báo cáo).

Qua thời gian thi hành thông tư số 33 ngày 3-10-1959 của Bộ hướng dẫn việc thi hành thông tư số 143-TTg ngày 9-4-1959 của Thủ tướng Chính phủ

về chế độ tập sự và đãi ngộ đối với sinh viên và học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp và đại học, Bộ nhận thấy cần phải giải thích và bổ sung thêm một số điểm để phù hợp với tình hình hiện tại.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. Thời gian tập sự.

1. Đối với cán bộ xã như chi ủy viên Ủy ban hành chính xã, cán bộ phụ trách các ngành của xã đã qua thực tế chỉ đạo sản xuất ở địa phương (nếu liên tục công tác) và cán bộ miền Nam tập kết nói chung ra sản xuất được cử đi học thì thời gian tập sự là 1 năm.

2. Đối với cán bộ công nhân trong biên chế Nhà nước được cử đi học nhưng không được hưởng 95% lương thì sau khi tốt nghiệp thời gian tập sự quy định như dưới đây :

— Cán bộ công nhân được cơ quan cử đi học nhưng chưa đủ thâm niên thì nói chung đều được miễn thời gian tập sự. Riêng đối với những người thái độ học tập không tốt, tinh thần trách nhiệm kém thì có thể phải qua thời gian tập sự 1 năm.

— Cán bộ công nhân tuy trong biên chế Nhà nước nhưng không được cơ quan cử đi học mà tự ý xin thôi việc để đi học, thì phải qua thời gian tập sự 1 năm.

— Cán bộ công nhân ra ngoài biên chế và quản lý giải ngũ có lý do chính đáng thì nhà trường kết hợp với thái độ học tập của từng người mà quyết định thời gian tập sự dài hay ngắn.

B. Chế độ đãi ngộ.

— Đối với cán bộ được cử đi học hưởng 95% lương khi tốt nghiệp ra trường được hưởng 70 đồng 1 tháng đối với đại học, và 50 đồng đối với trung cấp. Còn những người thi hỏng mà được bố trí công tác thì được hưởng 85% của các mức lương nói trên đến khi tốt nghiệp.

— Đối với những người mức lương hiện linh thấp hơn mức quy định thì được hưởng theo bậc đã định ở trên. Những người tiền lương hiện linh cao hơn thì được bảo lưu 9 tháng kể từ ngày ra trường; hết thời gian 9 tháng thì hưởng các mức lương theo quy định trên, chứ không còn khoản chênh lệch nữa.

— Đối với sinh viên, học sinh thường, nếu thi hỏng mà được cơ quan sử dụng thì được hưởng 50 đồng cho sinh viên đại học và 36 đồng cho học sinh trung cấp cho đến khi tốt nghiệp.

Thông tư này thi hành kể từ ngày ban hành, có gì khó khăn, kịp thời báo cáo cho Bộ biết.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 1960

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

Thứ trưởng

PHAN VĂN CHIỀU